

Bản án số: 62/2020/HS-PT

Ngày 19 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái

Bà Phạm Thị Thuý Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuý Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2020/HS-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Đức H, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Đ, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y và bà Bùi Thị T; có vợ là Nguyễn Thị E và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 15/02/2019 bị Công an Rện V xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000đ về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác, ngày 18/3/2019 H đã nộp đủ số tiền trên; nhân thân: Tại bản án số 104/2014/HSST ngày 29/7/2014 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Đức H 36 tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em, ngày 31/8/2015 H đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt)

2. Nguyễn Tiến C, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1996; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã O, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; có vợ là

Nguyễn A1 I và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/9/2019 bị Công an huyện D xử phạt vi phạm hành chính 3.500.000đ về hành vi ném gạch, chất bẩn vào nhà của người khác và huỷ hoại tài sản của người khác, ngày 25/9/2019 C đã nộp đủ số tiền trên; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt)

3. Nguyễn Văn N, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn F, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khánh K và bà Lê Thị J; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, (Có mặt)

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 23/8/2019 anh Lê Văn R đang ở nhà tại xã X, Rện V thì có Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N đến nhắc anh R trả 7.000.000đ anh R nợ anh Chu Bá W trú tại xã X, huyện V. Anh R không thừa nhận việc nợ tiền của anh W nên đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (viết tắt là: BKS) 88K7- 6283 chở N ngồi sau đi đến nhà anh W tìm anh W nói chuyện về số nợ này. C không đi cùng mà tiếp tục đi nhắc nợ người khác, do biết Nguyễn Đức H có mâu thuẫn nợ nần với anh R nên C gọi điện báo cho H biết việc anh R đang ở nhà anh W. Sau khi nghe điện của C do được Bùi Văn Z trú tại xã L, huyện V giao cho H giải quyết đối với số tiền 90.000.000đ mà trước đây anh R đứng ra bảo lãnh cho anh Bùi Thế T1 (em đồng hao với R) vay của Z nên H điều khiển xe mô tô đến nhà anh W. Anh R và N đến nhà anh W nhưng anh W không có mặt ở nhà, anh R và N đang ở nhà W thì H đến. Khi đến nhà anh W do tức giận vì trước đây khi gọi điện cho anh R nói chuyện về số tiền anh R đứng ra bảo lãnh cho anh T1, anh R có lời nói thách thức H nên vừa nhìn thấy anh R, H đã dùng tay đánh vào đầu và người anh R. Cùng lúc này, C điều khiển xe mô tô về đến nhà anh W thì H bảo C và N đưa anh R ra quán cầm đồ 007 ở xã C1, huyện V. Hiểu ý H muốn bắt anh R ra quán cầm đồ 007 để giải quyết việc anh R nợ tiền nên N giật lấy chìa khóa xe mô tô của anh R rồi ngồi lên điều khiển xe của anh R, C cắt xe mô tô của mình ở nhà anh W rồi ép anh R lên ngồi sau N, C ngồi sau anh R không cho anh R bỏ chạy. N điều khiển xe mô tô đi theo xe mô tô do H điều khiển đến quán cầm đồ 007, khi đến quán cầm đồ thì gặp chị Nguyễn Thị H1 là chủ quán. H, N, C tự đưa anh R vào quán cầm đồ và không nói gì cho chị

H1 biết việc H, N, C bắt giữ anh R. Tại đây, N và C yêu cầu anh R trả 7.000.000đ nợ anh W thì anh R không thừa nhận mình vay nợ. Sau đó anh R gọi điện cho anh W nói chuyện thì anh R nhớ lại được việc mình đã nợ tiền anh W từ 03 năm trước, nên anh R gọi điện thoại cho anh Lê Mạnh G1 (anh em chơi cùng R) vay tiền anh G1 và nhờ anh G1 mang trả anh W hộ anh R. Sau khi nghe điện thoại của anh R, anh G1 đồng ý cho R vay tiền nhưng hiện chưa có tiền nên bảo R khi nào có thì đem đến trả anh W hộ. Sau đó Hà Ngọc A1 và Nguyễn Văn Q1 đến quán cầm đồ, lúc này H hỏi anh R về số tiền 90.000.000đ anh R đứng ra bảo lãnh cho anh T1, anh R từ chối trả vì cho rằng mình không vay tiền nên không trả tiền và có lời nói thách thức H nên H bức tức đã dùng tay tát vào đầu và người anh R. Q1 thấy anh R có lời nói thách thức nên dùng tay vỗ vào lưng anh R, A1 dúi đầu anh R xuống bàn. Khoảng 11 giờ cùng ngày, chị Bùi Thị Y1 (vợ anh R) đến quán 007 thấy anh R đang bị giữ bên trong nên bảo anh R về thì H không cho anh R về và đuổi chị Y1 ra khỏi quán. Sau đó, anh R gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị L1 (chị quen biết ngoài xã hội với R) nhờ đến nói chuyện với mọi người trên để anh R được về. Một lúc sau chị L1 đến thì anh R đi ra cửa đón chị vào trong quán nói chuyện, tại quán anh R không nhận số nợ 90.000.000đ nên H gọi điện cho Z đến quán. Khi đến quán 007, Z bảo mọi người ra quán bia của anh Đỗ Văn R ở xã X, huyện V để nói chuyện, anh R đồng ý và cùng chị L1, H, N, C, Z, Q1, A1 ra quán bia. Tại quán bia, do bức tức chuyện anh R không nhận nợ và tiếp tục có lời nói ngang ngược nên H đã dùng chiếc dép cao su của mình tát vào mặt anh R, Z dùng tay tát vào mặt anh R sau đó mọi người nói chuyện nhưng vẫn không thống nhất được về số nợ trên. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, chị Y1 (vợ anh R) đến công an xã X trình báo việc anh R bị bắt giữ tại quán bia. Khi công an xã X đến quán bia thì anh R nói không có việc gì nên mọi người ở quán giải tán và ra về. Sau khi về nhà anh R đã đến Trung tâm y tế huyện V khám và điều trị thương tích, khoảng 18 giờ cùng ngày anh Lê Mạnh G1 cho anh R vay 7.000.000đ và đem đến trả anh W hộ anh R.

Ngày 27/8/2019 anh R có đơn trình báo sự việc đến Công an huyện V xử lý các đối tượng đánh và bắt giữ anh.

Sau khi nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành các hoạt động điều tra xác minh theo quy định.

Ngày 29/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với anh Lê Văn R. Tại bản kết luận giám định về thương tích số 464/TgT ngày 04/11/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại của anh R là 00%.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2020/HSST ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 157 điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến C 11 (mười một) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 04/5/2020 bị cáo Nguyễn Đức H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 08/5/2020 bị cáo Nguyễn Tiến C kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H, N và C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, hợp pháp. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại nhà anh Chu Bá W ở xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N đã có hành vi bắt anh Lê Văn R đưa đến quán cầm đồ 007 ở xã C1, huyện V trái pháp luật để nói chuyện về việc trả nợ của anh R. Sau khi bắt anh R, H, C và N tiếp tục có hành vi giữ người trái pháp luật đối với anh R ở lại quán cầm đồ 007 cho đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày.

[4] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C, Nguyễn Văn N về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức H; xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân. Đối với Nguyễn Đức H giữ vai trò chính là người chỉ đạo Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N bắt giữ anh Lê Văn R trái pháp luật; Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N thực hiện hành vi phạm tội với vai trò tích cực; bị cáo H và C là người có nhân thân xấu. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 01 năm 03 tháng tù, Nguyễn Tiến C 11 tháng tù và Nguyễn Văn N 09 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật, có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, các bị cáo không đưa ra được căn cứ gì mới để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2020/HSST ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 11 (Mười một) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Tiến C và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Công an huyện V;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; HCTP; Tòa Hình sự.

Nguyễn Thị Thu Hà